

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tài chính cấp tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 4580/TTr-STC ngày 09/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục và Quy trình nội bộ 43 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung; 08 TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tài chính cấp tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh căn cứ TTHC ban hành kèm theo Quyết định này trong thời hạn 03 ngày làm việc công khai, địa phương hóa các TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (csdl.dichvucong.gov.vn); xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (motcua.hatinh.gov.vn) để áp dụng thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và bãi bỏ Danh mục TTHC tại Phần I, Mục II tại Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 và Quy trình nội bộ TTHC tại Phần B, Mục III ban hành kèm theo Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc: Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC₁.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Báu Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA NGÀNH TÀI CHÍNH ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**
(Kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày _____/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

ST T	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/ cách thức thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	2.001610	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh). - Qua dịch vụ Bru chính công ích. - Qua mạng điện tử tại địa chỉ: (http://dangkykin	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần; - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

				hdoanh.gov.vn).	kinh doanh.	quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; - Quyết định số 2354/QĐ-BTC ngày 03/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một	2.001583	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Như trên	Như trên

	thành viên					
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	2.001199	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Như trên	Như trên
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	2.002043	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Như trên	Như trên
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	2.002042	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Như trên	Như trên
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002041	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Như trên	Như trên
7	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu	2.002011	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Như trên	Như trên

	hạn hai thành viên trở lên					
8	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	2.002010	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần; - Phí công bố nội dung ĐKDN: 100.000/lần; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	Như trên
9	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002009	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Như trên	Như trên
10	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1.005114	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Như trên	Như trên
11	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân	2.002000	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Như trên	Như trên

	trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết					
12	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.001996	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Phí công bố nội dung ĐKDN: 100.000/lần; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	Như trên
13	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	2.001993	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần; - Phí công bố nội dung ĐKDN: 100.000/lần; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	Như trên
14	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông sáng lập, thay đổi cổ đông là nhà đầu tư	2.002044	- 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay	Như trên	Như trên	Như trên

	nước ngoài, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán)		đổi thông tin cổ đông sang lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. - 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay đổi thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thay đổi thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp.			
15	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	2.001954	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
16	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân,	2.002069	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần; - Phí công bố nội dung ĐKDN: 100.000/lần; - Miễn lệ phí đối với trường hợp	Như trên

	công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				đăng ký qua mạng điện tử	
17	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	2.002070	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
18	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển	2.002031	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử - Tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo: không - Tạm ngừng kinh doanh, Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại	Như trên

	sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh				điện, địa điểm kinh doanh: không	
19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2.002045	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	Như trên
20	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách	1.010026	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Phí công bố nội dung ĐKDN: 100.000 đồng/lần	Như trên

	nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài					
21	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	2.002085	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần; - Phí công bố nội dung ĐKDN: 100.000/lần; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	Như trên
22	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	2.002083	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần; - Phí công bố nội dung ĐKDN: 100.000/lần; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	Như trên
23	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn,	2.002059	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần; - Phí công bố nội dung	Như trên

	công ty cổ phần và công ty hợp danh)				ĐKDN: 100.000/lần; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	2.002060	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần; - Phí công bố nội dung ĐKDN: 100.000/lần; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	Như trên
25	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	2.002057	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần; - Phí công bố nội dung ĐKDN: 100.000/lần; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	Như trên
26	Chuyển đổi công ty trách nhiệm	2.002034	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần;	Như trên

	hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại		đủ hồ sơ hợp lệ		- Phí công bố nội dung ĐKDN: 100.000/lần; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	
27	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	2.002032	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần; - Phí công bố nội dung ĐKDN: 100.000/lần; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	Như trên
28	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại	2.002033	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần; - Phí công bố nội dung ĐKDN: 100.000/lần; - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	Như trên

29	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	2.002018	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/ lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	Như trên
30	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng	2.002017	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/ lần.	Như trên

	ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		đủ hồ sơ hợp lệ		- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	
31	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	2.002015	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần - Phí công bố nội dung ĐKDN: 100.000 đồng/ lần. - Miễn phí, lệ phí trong các trường hợp: cập nhật, bổ sung thông tin về số điện thoại, số fax, thư điện tử, website, địa chỉ của doanh nghiệp do thay đổi về địa giới hành chính. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua	Như trên

					mạng điện tử	
32	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, thông báo tạm ngừng hoạt động, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo đối với văn phòng đại diện	2.002029	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
33	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	2.002023	- Thông báo giải thể doanh nghiệp: 02 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc nhận được quyết định của	Như trên	Không	Như trên

			Tòa án đã có hiệu lực pháp luật - Đăng ký giải thể doanh nghiệp: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp.			
34	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	2.002020	Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong nước: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp	Như trên	Không	Như trên

			lệ.			
35	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, hiệu đính thông tin trên Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	2.002016	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
36	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	2.000368	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
37	Chuyên đổi	2.000416	02 ngày làm việc,	Như trên	Không	Như trên

	doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội		kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
38	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	2.000375	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
39	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	1.010029	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
40	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	1.010010	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
41	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thê doanh nghiệp	1.010023	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên

42	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp	1.005169	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định, Cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải đăng ký thay đổi tên. - Trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thì doanh nghiệp có tên vi phạm phải đăng ký thay đổi tên. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo, doanh nghiệp có tên	Như trên	Không	Như trên
----	--	----------	---	----------	-------	----------

			xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp, tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.			
43	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo	2.002008	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi,	Như trên	Không	Như trên

			thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của lần đăng ký thay đổi hoặc Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở nội dung kê khai là giả mạo.			
--	--	--	---	--	--	--

II. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC bị bãi bỏ	Căn cứ pháp lý
1	1.010031	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	Quyết định số 2354/QĐ-BTC ngày 03/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính
2	2.001992	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Như trên
3	2.002075	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Như trên
4	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Như trên
5	1.005176	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh	Như trên

		doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	
6	1.010027	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Như trên
7	2.002022	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Như trên
8	1.010030	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	Như trên